

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



LÊ THANH HIỀN

**QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN
VỀ CHỦ THỂ KINH DOANH LÀ HỢP TÁC XÃ
VÀ HỘ KINH DOANH THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2018

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Đặng Công Cường**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
5. Phương pháp nghiên cứu	4
6. Điểm mới của đề tài.....	5
7. Kết cấu của luận văn.....	5
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ CHỦ THỂ KINH DOANH LÀ HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH	6
1.1. Một số khái niệm	6
1.1.1. Khái niệm hợp tác xã.....	6
1.1.2. Khái niệm hộ kinh doanh	6
1.1.3. Khái niệm quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã, hộ kinh doanh	6
1.2. Nội dung thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh.....	6
1.2.1. Nội dung thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã.....	6
1.2.1.1. Thông tin về vốn của hợp tác xã	6
1.2.1.2. Thông tin về tên của hợp tác xã.....	7
1.2.1.3. Thông tin về phân cấp thẩm quyền giao kết hợp đồng giữa Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị và Giám đốc (hay Tổng giám đốc) của hợp tác xã.....	7
1.2.1.4. Thông tin về ngành nghề kinh doanh của hợp tác xã.....	7
1.2.1.5. Thông tin về quyền của người thứ ba đối với tài sản của hợp tác xã.....	7
1.2.1.6. Thông tin về địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	7
1.2.2. Nội dung thông tin về chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh	8
1.2.2.1. Thông tin về tên của hộ kinh doanh	8
1.2.2.2. Thông tin về ngành nghề kinh doanh	8
1.2.2.3. Thông tin về địa điểm kinh doanh, nơi cư trú của hộ kinh doanh.....	8
1.3. Những tiêu chí cần bảo đảm đối với quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh	8
1.3.1. Bảo đảm tiếp cận được thông tin một cách chính xác	9
1.3.2. Bảo đảm thông tin tiếp cận được một cách đầy đủ, chi tiết	9
1.3.3. Bảo đảm tiếp cận được thông tin một cách kịp thời	9
1.3.4. Bảo đảm thông tin tiếp cận phải dễ hiểu	9

1.4. Chủ thể có trách nhiệm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh	9
1.4.1. Hợp tác xã, hộ kinh doanh	10
1.4.2. Cơ quan nhà nước	10
1.4.3. Người thứ ba.....	10
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	11
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ HỢP TÁC XÃ VÀ HỘ KINH DOANH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG	12
2.1. Quyền tiếp cận thông tin về vốn của hợp tác xã.....	12
2.2. Quyền tiếp cận thông tin về tên của hợp tác xã và hộ kinh doanh ..	12
2.2.1. Quyền tiếp cận thông tin về tên gọi của hợp tác xã.....	12
2.2.2. Quyền tiếp cận thông tin về tên gọi của hộ kinh doanh	12
2.3. Quyền tiếp cận thông tin về thẩm quyền giao kết hợp đồng của hợp tác.....	12
2.4. Quyền tiếp cận thông tin về địa chỉ đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã; địa điểm kinh doanh, nơi cư trú của hộ kinh doanh	12
2.4.1. Quyền tiếp cận thông tin về địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã.....	12
2.4.2. Quyền tiếp cận thông tin về địa điểm kinh doanh, nơi cư trú của hộ kinh doanh	13
2.5. Quyền tiếp cận thông tin về ngành nghề kinh doanh của hợp tác xã và hộ kinh doanh	13
2.5.1. Quyền tiếp cận thông tin về ngành nghề kinh doanh của hợp tác xã.	13
2.5.2. Quyền tiếp cận thông tin về ngành nghề kinh doanh của hộ kinh doanh	13
2.6. Quyền tiếp cận thông tin về quyền của người thứ ba đối với tài sản của hợp tác xã.....	13
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	14
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM VÀ THỨC ĐẨY QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ HỢP TÁC XÃ VÀ HỘ KINH DOANH	16
3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm và thúc đẩy quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh.....	16
3.1.1. Đối với chủ thể kinh doanh là hợp tác xã	16
3.1.1.1. Quy định rõ trách nhiệm của hợp tác xã trong việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và bằng cách thức thuận tiện nhất, dễ tiếp cận nhất về tên gọi của mình cho khách hàng, đối tác biết	16

3.1.1.2. Quy định bao quát về trách nhiệm hành chính đối với hợp tác xã nếu vi phạm các quy định về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về tên gọi mà pháp luật quy định	16
3.1.1.3. Bổ sung quy định về trách nhiệm của hợp tác xã trong việc niêm yết các nội dung chính của điều lệ tại trụ sở chính, văn phòng đại diện và chi nhánh của hợp tác xã	16
3.1.1.4. Bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan đăng ký hợp tác xã trong việc cung cấp thông tin cho các chủ thể khi cần thiết.....	17
3.1.1.5. Bổ sung quy định về trách nhiệm của hợp tác xã phải cung cấp thông tin về vốn chủ sở hữu trong những giao dịch nhất định và hậu quả của việc không cung cấp thông tin đó	17
3.1.2. Đối với hộ kinh doanh	18
3.1.2.1. Bổ sung thông tin ngành nghề kinh doanh của hộ kinh doanh vào tên đăng ký của hộ kinh doanh bắt buộc đăng ký	18
3.1.2.2. Bổ sung quy định điều chỉnh về trách nhiệm của hộ kinh doanh trong việc treo biển hiệu kinh doanh	18
3.1.2.3. Bổ sung quy định về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về nơi cư trú của hộ kinh doanh không đăng ký	18
3.2. Nhóm giải pháp khác	19
3.2.1. Tuyên truyền bổ biến pháp luật về quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh	19
3.2.2. Nâng cao vai trò, chất lượng của cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.....	19
3.2.3. Tăng cường việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh.....	19
3.2.4. Xây dựng cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.....	19
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	19
PHẦN KẾT LUẬN	21

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Để bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng nói riêng và người mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ nói chung, cần có những biện pháp cho phép họ tiếp cận thông tin có liên quan. Các thông tin có liên quan ở đây gồm nhiều nhóm thông tin khác nhau như thông tin về hàng hóa, dịch vụ, thông tin về chủ thể kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đó.

Thông tin về chủ thể kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá uy tín, mức độ tin cậy của giao dịch; đánh giá tiềm lực, năng lực tài chính của chủ thể kinh doanh; biết được cơ chế chịu trách nhiệm trong mỗi loại hình chủ thể kinh doanh; người có thẩm quyền giao kết hợp đồng,... và những vấn đề quan trọng khác.

Khái quát về ý nghĩa của nó như ở trên để thấy, thông tin về chủ thể kinh doanh nói chung và hợp tác xã, hộ kinh doanh nói riêng, là nhóm thông tin đặc biệt quan trọng đối với thị trường. Những người tham gia thị trường phải có quyền biết được các thông tin đó nhằm bảo đảm sự minh bạch, công khai đối với những giao dịch mà họ tham gia, hoặc có thể tham gia. Tuy vậy, nghiên cứu về quyền tiếp cận thông tin của người mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ, hiện nay, các công trình chủ yếu nghiên cứu về quyền tiếp cận thông tin của người tiêu dùng đối với chất lượng hàng hóa, dịch vụ mà chưa có nhiều công trình nghiên cứu một cách quy mô về quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh nói chung, trong đó có hợp tác xã và hộ kinh doanh. Đây là một hạn chế ở góc độ lý luận của khoa học pháp lý.

Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng về quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, vướng mắc cần nghiên cứu để đưa ra các giải pháp hoàn thiện vấn đề này. Chẳng hạn, các quy định của pháp luật hiện hành chưa bảo đảm quyền của người mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ được tiếp cận được thông tin về tên, về vốn, thẩm quyền giao kết hợp đồng,... của hợp tác xã và hộ kinh doanh. Thậm chí, các quy định về đặt tên trùng nhau giữa các hợp tác xã với nhau, hoặc hộ kinh doanh với nhau, vẫn chưa có cơ chế thực thi hiệu quả trên thực tế,...

Những khiếm khuyết như vậy đã khiến chi thị trường mất đi tính minh bạch về chủ thể, có thể tạo ra các giao dịch mà các bên có sự nhầm lẫn về chủ thể, gây ra những thiệt hại không nhỏ cho khách hàng. Đồng thời, làm cho môi trường cạnh tranh thiếu tính lành mạnh.

Hiện nay, với tinh thần của Hiến pháp 2013 và cụ thể hơn là Luật Tiếp cận thông tin 2016 đã được Quốc hội thông qua ngày 06/4/2016, sẽ có hiệu lực từ 01/7/2018 đã đặt ra yêu cầu cần phải thể chế hóa tinh thần của 2 văn bản này đối với lĩnh vực kinh tế. Có nghĩa là, cần hoàn thiện các quy định hiện hành, và nâng cao hiệu quả áp dụng đối với các quy định về quyền tiếp

cận thông tin về chủ thể kinh doanh theo tinh thần của Hiến pháp và Luật Tiếp cận thông tin.

Từ những phân tích đó cho thấy, việc nghiên cứu đề tài ***“Quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh ở Việt Nam”*** có tính cấp thiết. Một mặt, nhằm bổ sung cơ sở lý luận cho lĩnh vực nghiên cứu này; mặt khác, góp phần nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật nhằm thống nhất với tinh thần của Hiến pháp và Luật Tiếp cận thông tin 2016 và giải quyết những yêu cầu, bức xúc mà thực tiễn đã và đang đặt ra.

2. Tình hình nghiên cứu

1. Bài viết “Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013” của tác giả Hoàng Minh Sơn đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân số 4 năm 2016, đã có nhiều phân tích cụ thể về quyền tiếp cận thông tin theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013. Đặc biệt nhất, bài viết đã có những phân tích khoa học nhằm đưa ra khái niệm quyền tiếp cận thông tin và đưa ra nhiều thông tin về pháp luật một số nước về quyền tiếp cận thông tin. Đây là một tư liệu tham khảo quý báu trong hoàn cảnh hoàn thiện pháp luật về chủ thể kinh doanh theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

2. Bài viết "Thực trạng về quyền tiếp cận thông tin ở Việt Nam" Dương Thị Bình (2009), Nghiên cứu lập pháp, số 17, đã chỉ rõ nhiều khía cạnh pháp lý lý thú đối với thực tiễn về quyền tiếp cận thông tin ở Việt Nam, đặc biệt ở vấn đề nội dung quyền tiếp cận thông tin. Tuy vậy, bài viết mới chỉ đề cập đến quyền tiếp cận thông tin nói chung và mặt khác, kết quả nghiên cứu chưa bao hàm được những thay đổi căn bản gần đây của pháp luật Việt Nam, cũng như các bảo đảm thực thi khác.

3. Bài viết "Tổng quan về Luật Tiếp cận thông tin và vai trò của các tổ chức xã hội dân sự trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin ở các nước trên thế giới" của tác giả Đào Trí Úc, in trong Tài liệu Hội thảo quốc tế Hội Luật gia Việt Nam, năm 2009, đã xây dựng bức tranh tổng quan về pháp luật về quyền tiếp cận thông tin nói chung và đưa ra những kiến nghị cho việc nâng cao hiệu quả áp dụng về quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh.

4. Bài viết "Quyền tiếp cận thông tin - Điều kiện thực hiện các quyền con người và quyền công dân" của tác giả Thái Vĩnh Thắng, Nghiên cứu lập pháp, số 17 năm 2009, đã có những phân tích rất hữu ích về tầm quan trọng của quyền tiếp cận thông tin trong việc bảo đảm các quyền con người, quyền công dân.

5. Bài viết “Nội dung cơ bản của Luật Tiếp cận thông tin một số nước”, Nghiên cứu lập pháp, số 4, năm 2009, phân tích và đưa ra những thông tin về pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của một số nước trên thế giới;

6. Bài viết "Cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin" đăng trên Nghiên cứu lập pháp, số 6 năm 2009 của tác giả Nguyễn Thị Thu Vân đã phân tích

chỉ rõ những yêu cầu về mặt pháp luật và những yêu cầu về mặt tổ chức để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin

7. Bài viết “Quyền tiếp cận thông tin: Từ lý luận đến thực tiễn tại Việt Nam” của tác giả Nguyễn Trung Thành, đăng trên tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, số 12/2015, đã nêu ra rất nhiều các khía cạnh lý luận và thực tiễn trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin ở Việt Nam hiện nay.

8. Bài viết “*Tìm hiểu pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền được thông tin của công dân*” của tác giả Tường Duy Kiên, Hoàng Mai Hương, Chu Thúy Hằng đã phân tích làm rõ các quy định của pháp luật quốc tế, đồng thời so sánh với pháp luật Việt Nam về vấn đề quyền tiếp cận thông tin.

Như vậy, qua nghiên cứu, khảo sát của tác giả, có thể thấy vấn đề quyền tiếp cận thông tin nói chung đã được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu ở nhiều khía cạnh khác nhau và những công trình nêu ở trên là điển hình nhất. Tuy vậy, khi nghiên cứu đến quyền tiếp cận thông tin nói chung, các nghiên cứu mới chỉ nghiên cứu chủ thể quyền là công dân và chưa có dịp nghiên cứu sâu về vấn đề quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh. Do vậy, luận văn này, bằng mục tiêu cụ thể là nghiên cứu quyền tiếp cận thông tin về một lĩnh vực cụ thể, đó là quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh, sẽ có điều kiện nghiên cứu sâu sắc hơn, toàn diện hơn vấn đề này. Trong đó, quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh có đặc thù hơn ở vấn đề chủ thể quyền. Lúc này, chủ thể quyền không chỉ là công dân mà họ còn là chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hóa, sử dụng dịch vụ. Do vậy, cần có những đề tài nghiên cứu sâu về vấn đề này và đề tài luận văn sẽ đáp ứng được yêu cầu này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu làm rõ những hạn chế của pháp luật hiện hành và những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định về quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài là:

- Xây dựng khái niệm quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh

- Phân tích làm rõ nội hàm, ý nghĩa của thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh;

- Làm rõ các yếu tố chi phối, ảnh hưởng, bảo đảm cho quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh hợp tác xã và hộ kinh doanh;

- Phân tích thực trạng pháp luật về quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh và thực tiễn áp dụng pháp luật về lĩnh vực pháp luật này nhằm chỉ ra những hạn chế của pháp luật và những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng.

- Đề xuất giải pháp bảo đảm và thúc đẩy quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh và hợp tác xã và hộ kinh doanh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu các học thuyết, các vấn đề lý luận về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh;

- Nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh;

- Nghiên cứu thực trạng, hiệu quả áp dụng các quy định về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh trong thực tế.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài không có tham vọng nghiên cứu toàn bộ chủ thể kinh doanh theo quy định của pháp luật, mà chỉ nghiên cứu quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh ở hai khía cạnh: Pháp luật hiện hành về quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã, hộ kinh doanh; thực tiễn áp dụng các quy định đó trong thực tế.

Đề tài nghiên cứu từ tháng 7/2014 đến tháng 7/2017.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong luận văn, tác giả sử dụng các phương pháp sau đây: Phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật; phương pháp phân tích, so sánh, thống kê, đối chiếu; phương pháp lịch sử; phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp điển hình.

- **Phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng:** Phương pháp này được sử dụng để làm rõ sự tác động của các quy định pháp luật về quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh tới thực tiễn cuộc sống

- **Phương pháp phân tích, so sánh, liệt kê, đối chiếu:** Nhóm phương pháp này sử dụng ở cả 3 chương nhằm mục đích làm sáng tỏ những vấn đề mang tính lý luận về quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh theo pháp luật về chủ thể kinh doanh, nêu thực trạng pháp luật và thực tiễn thực thi liên quan đến quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh.

- **Phương pháp nghiên cứu tài liệu:** Tác giả tập hợp, tổng hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tư liệu nghiên cứu, các văn kiện và các tài liệu liên quan đến quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh.

- **Phương pháp lịch sử:** Phương pháp này được tác giả sử dụng để nghiên cứu, phân tích, làm rõ lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật về quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh

- **Nghiên cứu trường hợp điển hình:** Tác giả sử dụng để nghiên cứu phân tích một số trường hợp điển hình trong thực tế, nhằm làm sáng tỏ những tác động tiêu cực của pháp luật đến việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh.

- **Phương pháp mô tả luật:** Được sử dụng để khái quát quy định hiện hành khi phân tích các vấn đề chương 2.

6. Điểm mới của đề tài

Luận văn có một số điểm mới sau:

- Xây dựng khái niệm quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh;

- Làm rõ nội dung quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh;

- Làm rõ các tiêu chí đánh giá (yêu cầu đặt ra) về quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh.

- Làm rõ khung pháp lý, thực trạng pháp luật về quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh

- Đánh giá, làm rõ các hạn chế, vướng mắc của pháp luật và thực tiễn áp dụng về quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh.

- Đề xuất những giải pháp bảo đảm, thúc đẩy quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh trong thời gian tới.

7. Kết cấu của luận văn

Đề tài luận văn có 3 phần: Phần A: mở đầu, phần B: Nội dung, phần C: Kết luận.

Trong phần nội dung, được chia thành 3 chương. Chương 1: Những vấn đề lý luận về quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh. Chương 2: Quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh theo pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam. Chương 3: Định hướng, giải pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ CHỦ THỂ KINH DOANH LÀ HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Khái niệm hợp tác xã

Theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, thì: “*Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã*”¹.

1.1.2. Khái niệm hộ kinh doanh

Trước khi phân tích về khái niệm hộ kinh doanh, theo tác giả luận văn, chúng ta cần tìm hiểu về khái niệm thương nhân theo quy định của pháp luật hiện hành. Theo đó, “*Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng kí kinh doanh*”².

1.1.3. Khái niệm quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã, hộ kinh doanh

Quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã, hộ kinh doanh trước hết, đó là một nội dung của quyền tiếp cận thông tin nói chung. Do vậy, quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh phải được hiểu trong quan hệ với khái niệm quyền tiếp cận thông tin.

1.2. Nội dung thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh

1.2.1. Nội dung thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã

Đối với Hợp tác xã, việc tiếp cận các thông tin về nó có ý nghĩa hết sức quan trọng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại. Theo tác giả luận văn, các thông tin cần phải được tiếp cận về hợp tác xã bao gồm:

1.2.1.1. Thông tin về vốn của hợp tác xã

Vốn điều lệ: Vốn điều lệ của hợp tác xã có vai trò hết sức quan trọng. Theo quy định của pháp luật, hợp tác xã có tư cách pháp nhân. Điều này có nghĩa là, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, hợp tác xã sẽ chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn điều lệ của mình. Bản chất của vốn điều lệ thể hiện sự tách bạch về mặt trách nhiệm giữa pháp nhân với các thành viên, chủ sở hữu của pháp nhân. Do vậy, khi tiếp cận được thông tin về vốn điều lệ, các chủ thể có thể đánh giá được một cách tương đối về phạm vi trách nhiệm và

¹ Khoản 1 Điều 3 Luật Hợp tác xã năm 2012.

² Khoản 1 Điều 6 Luật Thương mại 2005.

khả năng thực hiện trách nhiệm của hợp tác xã. Từ đó, sẽ quyết định hợp tác, sản xuất kinh doanh cùng hợp tác xã, hay thực hiện các hoạt động mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ của hợp tác xã, đáp ứng được một mức độ nhất định về ngăn ngừa rủi ro.

Vốn chủ sở hữu: Về mặt pháp lý, hợp tác xã là một pháp nhân kinh tế. Do vậy, bên cạnh vốn điều lệ, còn tồn tại vốn chủ sở hữu. Vốn này về mặt lý thuyết không giống với vốn điều lệ.

1.2.1.2. Thông tin về tên của hợp tác xã

Tên là dấu hiệu dễ lan tỏa, nắm bắt nhất và có thể có khả năng khái quát, cá thể hóa một thương nhân này với bất cứ thương nhân khác. Do vậy, cần bảo đảm quyền của mọi người được tiếp cận thông tin về tên của hợp tác xã. Khi tên hợp tác xã không được tiếp cận chính xác, hoặc tiếp cận chính xác nhưng tên đó không được đặt theo đúng nguyên tắc vừa nêu, có thể gây ra những nhầm lẫn nghiêm trọng cho đời sống kinh tế- xã hội. Các đối tác có thể bị nhầm lẫn tên giữa hợp tác xã này với hợp tác xã khác khi giao kết hợp đồng, khi hợp tác đầu tư kinh doanh.

1.2.1.3. Thông tin về phân cấp thẩm quyền giao kết hợp đồng giữa Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị và Giám đốc (hay Tổng giám đốc) của hợp tác xã

Cơ cấu tổ chức quản trị, điều hành của Hợp tác xã theo quy định hiện hành, bao gồm: Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Giám đốc (hoặc Tổng Giám đốc), Ban Kiểm soát (hoặc Kiểm soát viên)³.

1.2.1.4. Thông tin về ngành nghề kinh doanh của hợp tác xã

Một trong những nghĩa vụ căn bản của hợp tác xã, đó là hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký. Về mặt lý luận, hợp tác xã nói riêng và chủ thể kinh doanh nói chung, khi hoạt động kinh doanh, thương mại, cần khai báo thông tin về ngành nghề kinh doanh cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để từ đó, công khai hóa với toàn xã hội. Việc khai báo thông tin đó phải tuân thủ quy tắc của chế định đăng ký kinh doanh.

1.2.1.5. Thông tin về quyền của người thứ ba đối với tài sản của hợp tác xã

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, do hiệu lực của các giao dịch đưa lại cho nên quyền của người thứ ba có thể được xác lập trên tài sản của hợp tác xã. Điều này ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ tài sản của hợp tác xã. Do vậy, nó là yếu tố quan trọng ở góc độ kinh doanh, thương mại.

1.2.1.6. Thông tin về địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã

Địa điểm đặt trụ sở chính của hợp tác xã có ý nghĩa quan trọng về mặt pháp lý, ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng và đối tác. Theo tác giả

³ Điều 29 Luật Hợp tác xã năm 2012

luận văn, thông tin về địa điểm đặt trụ sở chính của hợp tác xã có 3 ý nghĩa quan trọng sau đây.

1.2.2. Nội dung thông tin về chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh

Thứ nhất, hộ kinh doanh là một chủ thể kinh doanh giản đơn nhất mà pháp luật thừa nhận, cho phép. Do vậy, thủ tục thành lập cũng như những yêu cầu mà pháp luật có thể đặt ra cho chúng không thể cao và nghiêm ngặt như đối với hợp tác xã. Khi đưa ra những yêu cầu về thông tin đối với hộ kinh doanh cần bảo đảm ý nghĩa quan trọng này của nó, nhằm góp phần bảo đảm quyền tự do kinh doanh của công dân.

Thứ hai, hộ kinh doanh thường có quy mô kinh doanh không lớn như đối với hợp tác xã. Mức độ ảnh hưởng của hộ kinh doanh tới đời sống kinh tế- xã hội thường ở mức độ thấp hơn so với hợp tác xã. Do vậy, về góc độ nhu cầu, nhu cầu tiếp cận thông tin về hộ kinh doanh cũng nên và cần hiểu khác so với hợp tác xã.

1.2.2.1. Thông tin về tên của hộ kinh doanh

Tên của hộ kinh doanh là dấu hiệu, là thông tin căn bản và thường được tiếp cận đầu tiên, được khai thác đầu tiên để phân biệt hộ kinh doanh này với hộ kinh doanh khác, như hợp tác xã đã phân tích ở trên.

1.2.2.2. Thông tin về ngành nghề kinh doanh

Cũng như đối với hợp tác xã, đối với các hộ kinh doanh phải đăng ký, do xuất phát từ đặc điểm của chúng, nên thông tin về ngành nghề kinh doanh hết sức quan trọng. Do vậy, hộ kinh doanh phải bảo đảm quyền của khách hàng, đối tác tiếp cận được thông tin về ngành nghề kinh doanh của mình. Thông tin về ngành nghề kinh doanh của hộ kinh doanh ngoài việc có ý nghĩa để an toàn cho các giao dịch, đánh giá về năng lực của hộ kinh doanh, còn có ý nghĩa quan trọng trong việc phân biệt các hộ kinh doanh có tên riêng trùng nhau nhưng khác ngành nghề kinh doanh.

1.2.2.3. Thông tin về địa điểm kinh doanh, nơi cư trú của hộ kinh doanh

Thông tin về địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh cũng đóng vai trò quan trọng. Tầm quan trọng của thông tin này cũng thể hiện ở khía cạnh như đối với hợp tác xã, đó là cơ sở để minh bạch hóa địa điểm thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng; đồng thời, cũng là thông tin nhằm xác định tòa án nào có thẩm quyền giải quyết nếu tranh chấp hợp đồng giữa khách hàng, đối tác và hộ kinh doanh phát sinh.

1.3. Những tiêu chí cần bảo đảm đối với quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh

Phần trên đề cập đến những chủng loại thông tin cần thiết đối với hàng hóa, dịch vụ. Tuy nhiên, các thông tin đó cần phải đáp ứng những yêu cầu nào. Theo tác giả luận văn, các thông tin trên cần phải đáp ứng tất cả các yêu cầu về tính chính xác; tính đầy đủ, cụ thể; tính kịp thời; tính thuận tiện trong truy cập, cụ thể như sau:

1.3.1. Bảo đảm tiếp cận được thông tin một cách chính xác

Thông tin phải bảo đảm chính xác, nghĩa là phản ánh được bản chất khách quan của nó. Đây là yêu cầu quan trọng nhất đối với khách hàng, đối tác của hợp tác xã, hộ kinh doanh. Về mặt lý luận, đã nói đến thông tin thì tính chính xác của thông tin luôn là yêu cầu cần thiết và căn bản nhất. Vì nếu thông tin không chính xác, thông tin đó không những không có ý nghĩa, mà trong những trường hợp nhất định còn là nguy cơ gây nhầm lẫn hết sức nguy hiểm.

1.3.2. Bảo đảm thông tin tiếp cận được một cách đầy đủ, chi tiết

Trong các loại thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh mà luận văn đã làm rõ ở phần trên, mỗi loại thông tin có một vai trò khác nhau. Do vậy, ở góc độ khách hàng và đối tác của hợp tác xã và hộ kinh doanh, họ sẽ cần toàn bộ các nhóm thông tin nêu trên. Nói khác đi, thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh phải bảo đảm tiêu chí đầy đủ.

1.3.3. Bảo đảm tiếp cận được thông tin một cách kịp thời

Như đã nêu, thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh là yếu tố cần thiết để khách hàng, đối tác có thể đưa ra được quyết định về việc có mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ của hợp tác xã, hộ kinh doanh hay không? Vì như đã nêu ở trên, thông tin về chủ thể kinh doanh giúp khách hàng, đối tác có thể đánh giá được uy tín của thương nhân, từ đó suy đoán về chất lượng hàng hóa, dịch vụ.

1.3.4. Bảo đảm thông tin tiếp cận phải dễ hiểu

Trước hết, thông tin phải dễ hiểu. Như trên đã nêu, không phải khi nào thông tin về hàng hóa, dịch vụ cũng được thể hiện bằng ngôn ngữ, mà có thể được thể hiện bằng hình ảnh, màu sắc, ký hiệu, âm thanh, mùi,... Kể cả bằng ngôn ngữ, có thể ngôn ngữ đó là thứ ngôn ngữ chuyên biệt của một lĩnh vực khoa học, kỹ thuật (biệt ngữ) mà chỉ những người có chuyên môn nghiệp vụ sâu ở lĩnh vực đó mới có thể hiểu được các thông tin cung cấp, mà không phải ai cũng hiểu được. Chẳng hạn trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng, lĩnh vực thuốc chữa bệnh,... Do vậy, đối với những lực vực có đặc điểm như vậy, các thông tin cần phải được chuyển đổi thành những ngôn ngữ thông dụng sao cho khách hàng có thể hiểu được những thông điệp được đưa ra. Tương tự, có những sản phẩm ghi các loại ngôn ngữ nước ngoài mà chỉ có những người có trình độ ngoại ngữ chuyên ngành mới có thể hiểu được những thông tin đó. Vì vậy, trong quá trình niêm yết, cung cấp các thông tin này, chủ thể có liên quan cần phải ràng buộc trách nhiệm chuyển đổi ngôn ngữ nước ngoài sang ngôn ngữ Việt Nam, để dễ hiểu.

1.4. Chủ thể có trách nhiệm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh

Để quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh được thực hiện có hiệu quả, cần phải xác định, làm rõ chủ thể nào có trách nhiệm bảo đảm việc đó. Có như thế, quyền này mới có cơ chế thực thi tốt. Theo tác giả luận văn, trách nhiệm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã, hộ kinh doanh, thuộc về các chủ thể sau đây.

1.4.1. Hợp tác xã, hộ kinh doanh

Khi đề cập đến quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã, hộ kinh doanh thì trách nhiệm bảo đảm quyền này có khách hàng trước hết thuộc về chính bản thân các loại chủ thể kinh doanh này. Bởi lẽ, hợp tác xã, hộ kinh doanh chính là người bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, tức là một bên của hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, cho nên trách nhiệm này cần phải được đặt ra đối với họ.

1.4.2. Cơ quan nhà nước

Cơ quan nhà nước cũng là một chủ thể quan trọng trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh. Bởi lẽ, trước hết, cơ quan quản lý nhà nước được giao nhiệm vụ quản lý về chủ thể kinh doanh, nắm giữ nhiều thông tin chính thống và chính xác về chủ thể kinh doanh, thông qua hoạt động đăng ký hợp tác xã. Về mặt trách nhiệm, với tính chất là chủ thể chuyên nghiệp trong quản lý điều hành nền kinh tế, cơ quan nhà nước theo quy định của luật, là chủ thể chịu trách nhiệm cao nhất, và cuối cùng đối với việc minh bạch hóa thị trường nói chung và đối với việc ngăn ngừa gian lận, lừa đảo, hay cạnh tranh thiếu lành mạnh xảy ra.

1.4.3. Người thứ ba

Trong nhiều trường hợp, việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc trách nhiệm của người thứ ba. Người thứ ba ở đây nghĩa là không phải chính các hợp tác xã, hộ kinh doanh, không phải khách hàng, mà người khác.

Người thứ ba luận văn đề cập ở đây có thể là một thương nhân khác thực hiện hoạt động đại diện, hoặc thực hiện hoạt động quảng cáo, đưa tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh.

1.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh

Theo tác giả luận văn, việc thực hiện pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh chịu ảnh hưởng bởi những nhân tố sau đây:

1.5.1. Chất lượng của pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin đối với hợp tác xã và hộ kinh doanh

Một lĩnh vực hay chế định pháp luật có chất lượng cao, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo đảm thực hiện pháp luật trong thực tế, góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng. Do vậy, hiệu quả bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về

hợp tác xã và hộ kinh doanh cũng dựa trên nguyên tắc đó, chịu ảnh hưởng của chất lượng các quy định ở lĩnh vực này.

1.5.2. Các điều kiện và môi trường thực hiện pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh

Hệ thống pháp luật có chất lượng cao, là yêu cầu cần thiết nhưng không phải đương nhiên sẽ bảo đảm được hiệu quả áp dụng. Để đạt được mục đích đó, cần có những điều kiện và môi trường thực hiện pháp luật tốt. Theo tác giả luận văn, điều kiện, môi trường tốt để thực hiện pháp luật về quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh thể hiện qua các khía cạnh sau đây:

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Tóm lại, chương 1 của luận văn đã phân tích làm rõ được 5 vấn đề lý luận quan trọng về quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh.

Thứ nhất, trên cơ sở làm rõ khái niệm hợp tác xã, khái niệm hộ kinh doanh, luận văn đã xây dựng khái niệm quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Thứ hai, luận văn đã làm rõ nội dung thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh cần bảo đảm tiếp cận. Đối với hợp tác xã, các thông tin đó bao gồm: Thông tin về vốn của hợp tác xã; Thông tin về tên của hợp tác xã; Thông tin về phân cấp thẩm quyền giao kết hợp đồng giữa Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị và Giám đốc (hay Tổng giám đốc) của hợp tác xã; Thông tin về ngành nghề kinh doanh của hợp tác xã; Thông tin về quyền của người thứ ba đối với tài sản của hợp tác xã; Thông tin về địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã.

Đối với hộ kinh doanh, các thông tin bao gồm: Thông tin về tên của hộ kinh doanh; thông tin về ngành nghề kinh doanh; thông tin về địa điểm kinh doanh, nơi cư trú của hộ kinh doanh.

Thứ ba, luận văn đã làm rõ bốn tiêu chí cần bảo đảm đối với quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh, bao gồm: 1) Bảo đảm tiếp cận được thông tin một cách chính xác; 2) Bảo đảm thông tin tiếp cận được một cách đầy đủ, chi tiết; 3) Bảo đảm tiếp cận được thông tin một cách kịp thời; 4) Bảo đảm thông tin tiếp cận phải dễ hiểu

Thứ tư, luận văn đã làm rõ 3 chủ thể có trách nhiệm phải bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh cho khách hàng, đối tác, bao gồm: Hợp tác xã/hộ kinh doanh, cơ quan nhà nước và người thứ ba.

Thứ năm, luận văn cũng đã phân tích làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ HỢP TÁC XÃ VÀ HỘ KINH DOANH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Quyền tiếp cận thông tin về vốn của hợp tác xã

Như chương 1 luận văn đã phân tích, vốn là yếu tố quan trọng nhằm đánh giá phạm vi chịu trách nhiệm và khả năng thực hiện nghĩa vụ tài sản của pháp nhân nói chung và của hợp tác xã nói riêng. Do vậy, tiếp cận thông tin về vốn của hợp tác xã phải được coi là một quyền cơ bản, quan trọng của khách hàng, đối tác.

2.2. Quyền tiếp cận thông tin về tên của hợp tác xã và hộ kinh doanh

2.2.1. Quyền tiếp cận thông tin về tên gọi của hợp tác xã

Liên quan đến vấn đề quyền của khách hàng, đối tác trong việc tiếp cận thông tin về tên của hợp tác xã, theo tác giả luận văn, pháp luật cũng đã có một số quy định về cách đặt tên hợp tác xã, cụ thể.

Thứ nhất, nhiều hợp tác xã đặt tên gây nhầm lẫn cho khách hàng nhưng vẫn được đăng ký.

Thứ hai, việc thể hiện tên gọi của các hợp tác xã trong thực tế còn chưa đúng với quy định của pháp luật.

Thứ ba, việc niêm yết tên gọi tại nơi cung ứng dịch vụ chưa được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

2.2.2. Quyền tiếp cận thông tin về tên gọi của hộ kinh doanh

Hiện nay, vấn đề bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về tên gọi của hộ kinh doanh có đăng ký được quy định chung cùng với các văn bản quy định về đăng ký doanh nghiệp. Cụ thể, các văn bản điều chỉnh về vấn đề này bao gồm Nghị định 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, và Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

2.3. Quyền tiếp cận thông tin về thẩm quyền giao kết hợp đồng của hợp tác

Theo quy định của pháp luật thì thẩm quyền giao kết hợp đồng liên quan đến 3 cơ quan quản trị điều hành của hợp tác xã, đó là Đại hội thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/Giám đốc.

2.4. Quyền tiếp cận thông tin về địa chỉ đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã; địa điểm kinh doanh, nơi cư trú của hộ kinh doanh

2.4.1. Quyền tiếp cận thông tin về địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã

Đối với chủ thể kinh doanh là hợp tác xã, pháp luật đã khá quan tâm quy định về địa chỉ trụ sở chính. Cụ thể, Trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là địa điểm giao dịch của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên lãnh

thô Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên đường, phố, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có)⁴.

Thứ nhất, chưa có quy định cụ thể để theo đó, khẳng định trách nhiệm cho hợp tác xã phải cung cấp địa chỉ trụ sở chính, văn phòng đại diện, chi nhánh của hợp tác xã cho khách hàng khi giao dịch điện tử.

Thứ hai, thiếu các quy định cụ thể để khách hàng, công chúng có thể khai thác thông tin về địa chỉ trụ sở chính, văn phòng đại diện, chi nhánh của hợp tác xã.

Thứ ba, tính chính xác về thông tin về địa chỉ trụ sở chính, văn phòng đại diện và chi nhánh của hợp tác xã còn thấp

2.4.2. Quyền tiếp cận thông tin về địa điểm kinh doanh, nơi cư trú của hộ kinh doanh

Như Điều 73 Nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp quy định, mà luận văn đã có dịp trích dẫn tại mục 2.2 ở trên, lại một lần nữa cho thấy, văn bản này chỉ quan tâm đến việc hộ kinh doanh có đăng ký có cung cấp thông tin cho cơ quan đăng ký hộ kinh doanh hay không, mà chưa chú trọng đến việc hộ kinh doanh không đăng ký có cung cấp thông tin về địa điểm kinh doanh hay không?

2.5. Quyền tiếp cận thông tin về ngành nghề kinh doanh của hợp tác xã và hộ kinh doanh

2.5.1. Quyền tiếp cận thông tin về ngành nghề kinh doanh của hợp tác xã

Các phân trình bày trên đã cho thấy, pháp luật có điều chỉnh đến việc cung cấp thông tin về ngành nghề kinh doanh của hợp tác xã. Cụ thể, thông tin về ngành nghề kinh doanh của hợp tác xã là nội dung bắt buộc phải có trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, cũng như trong điều lệ hợp tác xã.

2.5.2. Quyền tiếp cận thông tin về ngành nghề kinh doanh của hộ kinh doanh

Theo Điều 73 Nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp thì, hộ kinh doanh phải có tên khi đăng ký hộ kinh doanh. Như vậy có thể thấy, đối với hộ kinh doanh thuộc diện phải đăng ký theo Nghị định này, thì tên của hộ kinh doanh là yếu tố bắt buộc.

2.6. Quyền tiếp cận thông tin về quyền của người thứ ba đối với tài sản của hợp tác xã

Quyền của người thứ ba đối với tài sản mà chủ thể kinh doanh đang chiếm hữu, sử dụng là một thông tin quan trọng đối với khách hàng và đối tác của hợp tác xã và hộ kinh doanh. Thực chất, loại thông tin này không đơn thuần là thông tin về vốn như đã phân tích ở mục trên. Các loại tài sản tồn tại quyền của người thứ ba trên nó và được gọi là vốn của chủ thể kinh doanh thì tác giả luận văn đã nêu ở mục thông tin về vốn. Ở đây, luận văn đề cập đến

⁴ Theo Điều 26 Luật Hợp tác xã năm 2012.

thông tin về quyền của những người thứ ba đối với tài sản do chủ thể kinh doanh sử dụng, chiếm hữu nhưng không thuộc trường hợp được coi là vốn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Nhằm đánh giá về quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh ở Việt Nam hiện nay, chương 2 luận văn đã tiếp cận đánh giá quyền của khách hàng, đối tác trong tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã, hộ kinh doanh theo từng loại thông tin, đó là thông tin về vốn, thông tin về tên gọi, thông tin về thẩm quyền giao kết hợp đồng, thông tin về ngành nghề kinh doanh, thông tin về địa chỉ trụ sở chính, văn phòng đại diện, chi nhánh hay nơi cư trú, thông tin về quyền của người thứ ba đối với tài sản của chủ thể kinh doanh.

Việc đánh giá các nhóm thông tin vừa nêu ở trên dựa theo những tiêu chí, yêu cầu nhất định mà chương 1 luận văn đã đưa ra và phân tích, bao gồm: Tính chính xác; tính đầy đủ, chi tiết; tính thuận tiện, dễ hiểu,...

Với cách tiếp cận như vậy, chương 2 luận văn đã làm rõ được những điểm đã đạt được và những hạn chế, bất cập của pháp luật và thực tiễn trong bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh, cụ thể.

Đối với thông tin về tên gọi, pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng đã có những quan tâm nhất định trong bảo đảm quyền cho khách hàng, đối tác tiếp cận. Điều này thể hiện ở việc có nhiều quy phạm điều chỉnh nhiều khía cạnh khác nhau về đặt tên hợp tác xã. Tuy vậy, các quy định về đặt tên đối với hộ kinh doanh thì chưa được quan tâm, đặc biệt là các chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh không phải đăng ký, pháp luật chưa chú trọng điều chỉnh về vấn đề này. Thiết nghĩ, khoảng trống pháp lý điều chỉnh về việc đặt tên hộ kinh doanh có đăng ký và không đăng ký là những hạn chế chủ yếu nhất.

Nói riêng về hợp tác xã, việc quy định về tên gọi của hợp tác xã thực tế áp dụng cũng đang cho thấy nhiều hợp tác xã đặt tên trùng nhau, gần giống nhau, gây nhầm lẫn; việc niêm yết biển hiệu không đầy đủ tên gọi nên rất dễ gây nhầm lẫn, không tuân thủ việc niêm yết tên hợp tác xã tại các phương tiện kinh doanh dịch vụ vận tải đường bộ, thủy đang rất phổ biến,...

Bên cạnh đó, thông tin về vốn của chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh cũng chưa bảo đảm cho khách hàng, đối tác có thể tiếp cận được một cách thuận tiện, chính xác. Pháp luật mới quan tâm điều chỉnh về hợp tác xã trong việc ghi thông tin về vốn điều lệ vào điều lệ, nhưng thông tin này chỉ cơ quan có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã nắm giữ. Chưa có quy định cụ thể nên thực tế, khách hàng, đối tác không được tiếp cận các thông tin về vốn điều lệ và vốn thực tế của hợp tác xã. Đối với hộ kinh doanh có

đăng ký và không đăng ký, do chưa có hành lang pháp lý toàn diện, vấn đề cung cấp thông tin về vốn của chủ thể này cũng còn nhiều hạn chế, bất cập.

Tương tự, thông tin về thẩm quyền giao kết hợp đồng và địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với hợp tác xã), và nơi cư trú (của hộ kinh doanh) cũng đang tồn tại nhiều hạn chế, vướng mắc, chưa đáp ứng được quyền tiếp cận thông tin cho khách hàng, đối tác về vấn đề này.

Thông tin về ngành nghề kinh doanh cũng có những hạn chế tương tự. Đối với hợp tác xã, pháp luật không bắt buộc ngành nghề kinh doanh là yếu tố cấu thành tên hợp tác xã nên việc tiếp cận thông tin về ngành nghề kinh doanh là rất khó. Đối với hộ kinh doanh có đăng ký thông tin về ngành nghề kinh doanh cũng chưa có nhiều quy định bảo đảm khách hàng tiếp cận thông tin chính xác và đầy đủ. Đối với hộ kinh doanh không đăng ký, thông tin về ngành nghề kinh doanh không có tầm quan trọng nên tác giả luận văn không phân tích trong phạm vi luận văn này.

Một bất cập khác, đó là việc tiếp cận thông tin về quyền của người thứ ba đối với tài sản của hợp tác xã và hộ kinh doanh hiện chưa có những quy phạm bảo đảm. Do vậy, thực tế vẫn xảy ra nhiều tranh chấp không đáng có do khách hàng, đối tác không biết được thông tin về quyền của người thứ ba đối tồn tại trên tài sản của chủ thể kinh doanh.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM VÀ THỨC ĐẨY QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ HỢP TÁC XÃ VÀ HỘ KINH DOANH

3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm và thúc đẩy quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh

3.1.1. Đối với chủ thể kinh doanh là hợp tác xã

Đối với chủ thể kinh doanh là hợp tác xã, pháp luật cần có những giải pháp sau đây:

3.1.1.1. Quy định rõ trách nhiệm của hợp tác xã trong việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và bằng cách thức thuận tiện nhất, dễ tiếp cận nhất về tên gọi của mình cho khách hàng, đối tác biết

Như đã nêu, mặc dù đã có những quy định nói về trách nhiệm cung cấp thông tin về tên gọi của hợp tác xã, nhưng các quy định này còn đang mang tính chung chung, chưa nhấn mạnh được trách nhiệm của hợp tác xã trong việc cung cấp các thông tin về tên gọi đó bằng cách nào và đáp ứng yêu cầu nào, tiêu chí nào của pháp luật. Từ đó cho thấy, tính khả thi của các quy định này rất thấp. Do đó, theo tác giả luận văn, pháp luật hiện hành phải đặt ra các yêu cầu sau:

3.1.1.2. Quy định bao quát về trách nhiệm hành chính đối với hợp tác xã nếu vi phạm các quy định về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về tên gọi mà pháp luật quy định

Như chương 2 đã nêu, hiện nay một số lĩnh vực khác đã có quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không niêm yết tên gọi tại nơi bắt buộc, chẳng hạn, lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách, vận tải hàng hóa,...

3.1.1.3. Bổ sung quy định về trách nhiệm của hợp tác xã trong việc niêm yết các nội dung chính của điều lệ tại trụ sở chính, văn phòng đại diện và chi nhánh của hợp tác xã

Như chương 2 đã phân tích và cho thấy, việc thiếu vắng các quy định của pháp luật hiện hành trong việc chỉ ra trách nhiệm của hợp tác xã phải niêm yết, cung cấp các thông tin quan trọng trong điều lệ cho khách hàng và đối tác biết, cho nên thực tế đã tồn tại những bất cập, hạn chế trong vấn đề này.

- Một là, tên đầy đủ của hợp tác xã theo giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

- Hai là, niêm yết thông tin về vốn điều lệ.

- Ba là, niêm yết thông tin về thẩm quyền giao kết hợp đồng

- Bốn là, cần yêu cầu hợp tác xã phải niêm yết thông tin về ngành nghề kinh doanh tại trụ sở chính, văn phòng đại diện, chi nhánh

3.1.1.4. Bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan đăng ký hợp tác xã trong việc cung cấp thông tin cho các chủ thể khi cần thiết

Trên cơ sở các quy định của pháp luật cũng như khảo sát trong thực tiễn áp dụng, tác giả luận văn cho rằng, cơ quan đăng ký hợp tác xã là cơ quan nắm giữ thông tin chính thống và chính xác, đầy đủ nhất, ngoài hợp tác xã. Bởi lẽ, khi nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã phải khai báo các thông tin mà pháp luật quy định và nộp cho cơ quan đăng ký hợp tác xã. Do vậy, cơ quan đăng ký hợp tác xã là cơ quan nắm giữ nhiều thông tin và là thông tin gốc theo hồ sơ khai báo.

Một là, Chỉ dẫn nghĩa vụ của cơ quan đăng ký hợp tác xã là phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của chủ thể có liên quan. Việc cung cấp thông tin này phải bảo đảm tiêu chí chính xác, đầy đủ, và tự chịu trách nhiệm về thông tin đã cung cấp.

Hai là, quy định các chủ thể có quyền cung cấp thông tin về hợp tác xã bao gồm cá nhân, pháp nhân và người tiêu dùng, chủ thể khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã.

Ba là, về thủ tục và cách thức cung cấp thông tin, cơ quan đăng ký hợp tác xã nhận yêu cầu cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở làm việc hoặc bằng các cách khác như thư điện tử, fax, điện thoại, ... nhằm bảo đảm tiện lợi cho chủ thể cần thông tin.

Bốn là, yêu cầu người khai thác thông tin về hợp tác xã phải nộp một khoản lệ phí phù hợp có tính chất chi trả cho những thông tin đã khai thác.

Năm là, cần quy định những chế tài pháp lý phù hợp đối với cán bộ, công chức, cơ quan đăng ký hợp tác xã trong trường hợp không cung cấp thông tin mà không có lý do thích đáng, cung cấp thông tin nhưng không đúng, không đầy đủ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chính hợp tác xã được cung cấp, hoặc quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu cung cấp thông tin.

3.1.1.5. Bổ sung quy định về trách nhiệm của hợp tác xã phải cung cấp thông tin về vốn chủ sở hữu trong những giao dịch nhất định và hậu quả của việc không cung cấp thông tin đó

Cũng vì lẽ đó, việc công khai hóa vốn chủ sở hữu không nên tiến hành theo biện pháp niêm yết như đối với các thông tin trong Điều lệ, mà phần trên luận văn đã kiến nghị. Tuy vậy, Luật hợp tác xã cần quy định cụ thể về 2 vấn đề pháp lý sau nhằm bảo đảm và thúc đẩy quyền tiếp cận thông tin về vốn chủ sở hữu của hợp tác xã, cụ thể:

Một là, quy định rõ, hợp tác xã phải có trách nhiệm cung cấp thông tin về vốn chủ sở hữu khi khách hàng, đối tác có yêu cầu hoặc trong trường hợp, hợp tác xã và đối tác, khách hàng đàm phán, thương thảo để giao kết hợp đồng có giá trị kinh tế lớn.

Hai là, phải quy định chế tài pháp lý đối với việc không thực hiện cung cấp thông tin về vốn chủ sở hữu theo hướng: trường hợp hợp tác xã không cung cấp thông tin về vốn chủ sở hữu cho khách hàng, đối tác trong các trường hợp trên, hợp tác xã có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Đồng thời, việc không cung cấp thông tin đó là yếu tố xem xét lỗi nhằm xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi hợp đồng giữa hợp tác xã và khách hàng, đối tác vô hiệu.

3.1.2. Đối với hộ kinh doanh

Qua khảo sát, nghiên cứu quy định hiện hành và thực tiễn áp dụng các quy định về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, theo tác giả luận văn, phải hoàn thiện các quy định sau đây.

3.1.2.1. Bổ sung thông tin ngành nghề kinh doanh của hộ kinh doanh vào tên đăng ký của hộ kinh doanh bắt buộc đăng ký

3.1.2.2. Bổ sung quy định điều chỉnh về trách nhiệm của hộ kinh doanh trong việc treo biển hiệu kinh doanh

Như trên đã nêu, nếu đối với hợp tác xã, pháp luật đã có quy định về bắt buộc treo biển hiệu của hợp tác xã thì hộ kinh doanh không có quy định như vậy. Tuy nhiên, qua khảo sát cho thấy mặc dù đã có quy định bắt buộc treo biển hiệu nhưng quyền của khách hàng, đối tác đối với việc tiếp cận thông tin thông qua biển hiệu của hợp tác xã cũng đang bị xâm phạm do việc treo biển hiệu không được thực hiện nghiêm túc. Điều này cũng cho chúng ta thấy, thực trạng pháp luật về treo biển hiệu của hộ kinh doanh đang là nguyên nhân dẫn đến việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin của khách hàng, đối tác đối với các thông tin có thể được đưa lên biển hiệu.

3.1.2.3. Bổ sung quy định về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về nơi cư trú của hộ kinh doanh không đăng ký

Việc thiếu quan tâm ban hành quy định điều chỉnh các khía cạnh khác nhau về các hộ kinh doanh không đăng ký có thể có ưu điểm là đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tạo điều kiện để công dân thực hiện việc kinh doanh theo nhu cầu mưu sinh của mình. Bên cạnh đó, những hộ kinh doanh không bắt buộc phải đăng ký theo yêu cầu của pháp luật thường kinh doanh những ngành nghề mà địa điểm kinh doanh không ổn định.

Một là, yêu cầu hộ kinh doanh phải có giấy chứng nhận nơi thường trú, tạm trú do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về cư trú cấp, trong quá trình thực hiện kinh doanh.

Hai là, giấy chứng nhận nơi thường trú, tạm trú phải ít nhất có thông tin về họ tên, về địa chỉ cụ thể của nơi thường trú, tạm trú.

Ba là, giấy chứng nhận nơi thường trú, tạm trú phải được treo, niêm yết tại quầy hàng, phương tiện kinh doanh, hoặc ở những vị trí thích hợp khác tùy theo trường hợp cụ thể nhằm bảo đảm khách hàng tiếp cận được thông tin đó kịp thời, thuận tiện nhất.

3.2. Nhóm giải pháp khác

Nhằm bảo đảm và thúc đẩy quyền tiếp cận thông tin về hộ kinh doanh là hợp tác xã, ngoài các giải pháp hoàn thiện pháp luật, theo tác giả luận văn, cần thực hiện các giải pháp sau đây.

3.2.1. Tuyên truyền bổ biến pháp luật về quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh

Như chương 2 luận văn đã phân tích và làm rõ, hiện nay, một trong những nguyên nhân khiến cho các quy định của pháp luật về quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh chưa phát huy hiệu quả thực tế, cũng như chưa được thực hiện nghiêm túc, đó là do nhận thức của chủ thể kinh doanh cũng như cộng đồng, xã hội chưa cao về vấn đề này.

3.2.2. Nâng cao vai trò, chất lượng của cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã

Cơ sở dữ liệu quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm, thúc đẩy quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã nói riêng và cho khách hàng nói chung. Vai trò, ý nghĩa của cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã trong vấn đề này thể hiện ở các khía cạnh sau đây:

3.2.3. Tăng cường việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh

Pháp luật dù có hoàn hảo thì hiệu quả áp dụng chỉ có thể đạt được khi các chủ thể có nghĩa vụ tuân thủ có ý thức, tích cực, chủ động tuân thủ. Tuy vậy, không phải mọi chủ thể kinh doanh đều tích cực, chủ động và có ý thức cao trong tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh. Hơn nữa, việc tuân thủ các quy định đó có thể làm gia tăng chi phí nhất định cho chủ thể. Do đó, biện pháp thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật luôn là một khâu không thể thiếu trong quá trình bảo đảm, thúc đẩy quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh.

3.2.4. Xây dựng cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh

Trong những năm gần đây, việc xây dựng và đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp và cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã đã góp phần nâng cao hiệu quả trong việc minh bạch hóa thông tin về hai loại chủ thể này. Giải pháp này đã cho thấy vai trò quan trọng của nó trong thúc đẩy quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là doanh nghiệp và hợp tác xã.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Với những kết quả đã nghiên cứu được ở chương 2, ở chương 3, tác giả luận văn đã đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm, thúc đẩy quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh.

Các giải pháp được đề xuất bao gồm 2 nhóm giải pháp, đó là 1) nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và 2) nhóm giải pháp khác.

Đối với nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật, luận văn đã đề xuất giải pháp riêng đối với hợp tác xã và hộ kinh doanh. Đối với hợp tác xã, cần phải có các giải pháp theo hướng: i) Quy định rõ trách nhiệm của hợp tác xã trong việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và bằng cách thức thuận tiện nhất, dễ tiếp cận nhất về tên gọi của mình cho khách hàng, đối tác biết; (ii) quy định bao quát về trách nhiệm hành chính đối với hợp tác xã nếu vi phạm các quy định về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về tên gọi mà pháp luật quy định; (iii) bổ sung quy định về trách nhiệm của hợp tác xã trong việc niêm yết các nội dung chính của điều lệ tại trụ sở chính, văn phòng đại diện và chi nhánh của hợp tác xã; (iv) bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan đăng ký hợp tác xã trong việc cung cấp thông tin cho các chủ thể khi cần thiết; (v) bổ sung quy định về trách nhiệm của hợp tác xã phải cung cấp thông tin về vốn chủ sở hữu trong những giao dịch nhất định và hậu quả của việc không cung cấp thông tin đó

Đối với hộ kinh doanh, các giải pháp hoàn thiện pháp luật được đề xuất là: (i) Bổ sung thông tin ngành nghề kinh doanh của hộ kinh doanh vào tên đăng ký của hộ kinh doanh bắt buộc đăng ký; (ii) bổ sung quy định điều chỉnh về trách nhiệm của hộ kinh doanh trong việc treo biển hiệu kinh doanh; (iii) bổ sung quy định về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về nơi cư trú của hộ kinh doanh không đăng ký.

Nhóm các giải pháp khác được luận văn đề xuất chung cho việc tiếp cận thông tin về hai loại chủ thể, bao gồm bốn giải pháp sau: (i) Tuyên truyền phổ biến pháp luật về quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh; (ii) Nâng cao vai trò, chất lượng của cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã; (iii) Tăng cường việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh; (iv) Xây dựng cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

PHẦN KẾT LUẬN

Như vậy, qua nghiên cứu, tác giả luận văn cho rằng, cần phải bảo đảm khách hàng, đối tác của hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận được 6 nhóm thông tin căn bản, đó là: 1) thông tin về tên của hợp tác xã/ hộ kinh doanh; 2) thông tin về ngành nghề kinh doanh của hợp tác xã/ hộ kinh doanh; 3) thông tin địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, địa điểm kinh doanh, nơi cư trú của hộ kinh doanh; 4) thông tin về phân cấp thẩm quyền giao kết hợp đồng giữa Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị và Giám đốc (hay Tổng giám đốc) của hợp tác xã; 5) thông tin về vốn của hợp tác xã; 6) thông tin về quyền của người thứ ba đối với tài sản của hợp tác xã;

Việc bảo đảm quyền tiếp cận được thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh phải theo các tiêu chí chính xác; đầy đủ, chi tiết; kịp thời; phải dễ hiểu, tiếp cận thuận tiện.

Hiện nay, pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng các quy định về bảo đảm quyền của khách hàng trong tiếp cận các thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh vẫn còn một số hạn chế, bất cập, vướng mắc nhất định.

Đối với thông tin về tên gọi, pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng đã có những quan tâm nhất định trong bảo đảm quyền cho khách hàng, đối tác tiếp cận. Điều này thể hiện ở việc có nhiều quy phạm điều chỉnh nhiều khía cạnh khác nhau về đặt tên hợp tác xã. Tuy vậy, các quy định về đặt tên đối với hộ kinh doanh thì chưa được quan tâm, đặc biệt là các chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh không phải đăng ký, pháp luật chưa chú trọng điều chỉnh về vấn đề này. Thiết nghĩ, khoảng trống pháp lý điều chỉnh về việc đặt tên hộ kinh doanh có đăng ký và không đăng ký là những hạn chế chủ yếu nhất.

Nói riêng về hợp tác xã, việc quy định về tên gọi của hợp tác xã thực tế áp dụng cũng đang cho thấy nhiều hợp tác xã đặt tên trùng nhau, gần giống nhau, gây nhầm lẫn; việc niêm yết biển hiệu không đầy đủ tên gọi nên rất dễ gây nhầm lẫn, không tuân thủ việc niêm yết tên hợp tác xã tại các phương tiện kinh doanh dịch vụ vận tải đường bộ, thủy đang rất phổ biến,...

Bên cạnh đó, thông tin về vốn của chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh cũng chưa bảo đảm cho khách hàng, đối tác có thể tiếp cận được một cách thuận tiện, chính xác. Pháp luật mới quan tâm điều chỉnh về hợp tác xã trong việc ghi thông tin về vốn điều lệ vào điều lệ, nhưng thông tin này chỉ cơ quan có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã nắm giữ. Chưa có quy định cụ thể nên thực tế, khách hàng, đối tác không được tiếp cận các thông tin về vốn điều lệ và vốn thực tế của hợp tác xã. Đối với hộ kinh doanh có đăng ký và không đăng ký, do chưa có hành lang pháp lý toàn diện, vấn đề cung cấp thông tin về vốn của chủ thể này cũng còn nhiều hạn chế, bất cập.

Tương tự, thông tin về thẩm quyền giao kết hợp đồng và địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với hợp tác xã), và nơi cư trú (của

hộ kinh doanh) cũng đang tồn tại nhiều hạn chế, vướng mắc, chưa đáp ứng được quyền tiếp cận thông tin cho khách hàng, đối tác về vấn đề này.

Thông tin về ngành nghề kinh doanh cũng có những hạn chế tương tự. Đối với hợp tác xã, pháp luật không bắt buộc ngành nghề kinh doanh là yếu tố cấu thành tên hợp tác xã nên việc tiếp cận thông tin về ngành nghề kinh doanh là rất khó. Đối với hộ kinh doanh có đăng ký thông tin về ngành nghề kinh doanh cũng chưa có nhiều quy định bảo đảm khách hàng tiếp cận thông tin chính xác và đầy đủ. Đối với hộ kinh doanh không đăng ký, thông tin về ngành nghề kinh doanh không có tầm quan trọng nên tác giả luận văn không phân tích trong phạm vi luận văn này.

Một bất cập khác, đó là việc tiếp cận thông tin về quyền của người thứ ba đối với tài sản của hợp tác xã và hộ kinh doanh hiện chưa có những quy phạm bảo đảm. Do vậy, thực tế vẫn xảy ra nhiều tranh chấp không đáng có do khách hàng, đối tác không biết được thông tin về quyền của người thứ ba đối tồn tại trên tài sản của chủ thể kinh doanh.

Để bảo đảm và thúc đẩy quyền tiếp cận thông tin về hợp tác xã và hộ kinh doanh, luận văn đã đề xuất 2 nhóm giải pháp, đó là 1) nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và 2) nhóm giải pháp khác.

Đối với nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật, luận văn đã đề xuất giải pháp riêng đối với hợp tác xã và hộ kinh doanh. Đối với hợp tác xã, cần phải có các giải pháp theo hướng: i) Quy định rõ trách nhiệm của hợp tác xã trong việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và bằng cách thức thuận tiện nhất, dễ tiếp cận nhất về tên gọi của mình cho khách hàng, đối tác biết; (ii) quy định bao quát về trách nhiệm hành chính đối với hợp tác xã nếu vi phạm các quy định về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về tên gọi mà pháp luật quy định; (iii) bổ sung quy định về trách nhiệm của hợp tác xã trong việc niêm yết các nội dung chính của điều lệ tại trụ sở chính, văn phòng đại diện và chi nhánh của hợp tác xã; (iv) bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan đăng ký hợp tác xã trong việc cung cấp thông tin cho các chủ thể khi cần thiết; (v) bổ sung quy định về trách nhiệm của hợp tác xã phải cung cấp thông tin về vốn chủ sở hữu trong những giao dịch nhất định và hậu quả của việc không cung cấp thông tin đó

Đối với hộ kinh doanh, các giải pháp hoàn thiện pháp luật được đề xuất là: (i) Bổ sung thông tin ngành nghề kinh doanh của hộ kinh doanh vào tên đăng ký của hộ kinh doanh bắt buộc đăng ký; (ii) bổ sung quy định điều chỉnh về trách nhiệm của hộ kinh doanh trong việc treo biển hiệu kinh doanh; (iii) bổ sung quy định về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về nơi cư trú của hộ kinh doanh không đăng ký.

Nhóm các giải pháp khác được luận văn đề xuất chung cho việc tiếp cận thông tin về hai loại chủ thể, bao gồm bốn giải pháp sau: (i) Tuyên truyền phổ biến pháp luật về quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác

xã và hộ kinh doanh; (ii) Nâng cao vai trò, chất lượng của cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã; (iii) Tăng cường việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về chủ thể kinh doanh là hợp tác xã và hộ kinh doanh; (iv) Xây dựng cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.